

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày 05-07-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 07 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 103/2020/TLST-DSTC ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/04/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 14/TB- TA ngày 19/05/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-DSTC ngày 18/06/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Đăng T, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện LN, tỉnh BG.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Anh Vũ Trí Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lịch Sơn, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21/10/2020 cùng các lời khai nguyên đơn ông

Đào Đăng T trình bày: Ông và vợ chồng anh Vũ Trí Đ và chị Nguyễn Thị O là có quan hệ họ hàng. Ngày 19/12/2013 chị Nguyễn Thị O có đến gia đình ông vay vợ chồng ông số tiền là 190.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, không hẹn ngày trả, chỉ thỏa thuận là khi nào bên cho vay yêu cầu trả thì Chị O phải trả cả gốc và lãi. Khi vay tiền Chị O có để lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị O, anh Vũ Trí Đ để làm tin, sau này Chị O nói là có việc cần lấy sổ đỏ để chỉnh lý nên ông đã trả lại cho Chị O. Việc vay tiền này chỉ có mình Chị O đến vay tiền và nhận tiền của ông còn anh Đ không có mặt. Việc Chị O vay tiền này anh Đ có biết hay không thì ông không rõ chỉ biết là giấy vay tiền này Chị O mang đến đã có sẵn chữ ký của anh Đ trên giấy vay tiền, ông có hỏi Chị O thì Chị O khẳng định chữ ký trên giấy vay tiền là của anh Đ.

Từ ngày 19/12/2013 đến tháng 11/2015 Chị O đã trả được cho vợ chồng ông số tiền lãi là 131.100.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu một trăm nghìn đồng). Đến tháng 10/2017 Chị O trả ông 10.000.000 tiền gốc, tháng 03/2018 trả tiếp được 5.000.000 đồng tiền gốc, đến tháng 04/2018 Chị O trả được ông số tiền gốc là 1.500.000 đồng. Tổng tiền gốc Chị O đã trả cho ông là 16.500.000 đồng. Chị O còn nợ lại ông số tiền gốc là 173.500.000 đồng. Ông đã đòi nhiều lần nhưng Chị O không trả, ông đã khởi kiện ra Tòa án, sau đó Chị O xin ông rút đơn về và hàng tháng trả ông mỗi tháng 2.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó Chị O không thực hiện như đã thỏa thuận nên ông lại làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Chị O phải có trách nhiệm trả ông số tiền gốc đã vay là 173.500.000 đồng, về tiền lãi của khoản tiền vay ông không yêu cầu Chị O phải trả ông nữa

Tại phiên tòa hôm nay ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị O trình bày: Về số tiền nợ như ông T khởi kiện chị xác nhận là đúng. Việc chị vay tiền của ông T là việc cá nhân của chị, chị không sử dụng vào mục đích chung của gia đình, còn chữ ký “Vũ Trí Đ” trong vay nợ là do ông T bảo chị ký tên chồng chị thì mới cho vay tiền nên chị ký tên chồng chị chứ thực tế chồng chị không ký giấy vay tiền giữa chị và ông T và cũng không biết việc vay tiền này của chị. Khi vay tiền chỉ có chị và ông T viết giấy tờ vay nợ và ký kết với nhau, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, thời hạn vay hai bên không thỏa thuận, chỉ thỏa thuận khi nào ông T đòi thì chị sẽ thu xếp trả, chị có để lại cho ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình chị số BB188338 cho ông T để làm tin. Giấy biên nhận vay tiền ngày 19/13/2013 là giấy chốt nợ của nhiều giấy vay nợ giữa chị và ông T, trước đó chị có vay tiền của ông T nhiều lần và hai bên thống nhất chốt lại thành giấy biên nhận vay tiền như ông T cung cấp cho Tòa án. Đến khoảng năm 2015 hoặc 2016 chị không nhớ rõ thì ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị đã để làm tin nhà ông T.

Từ khi vay tiền cho đến khi ông T khởi kiện thì chị đã trả được cho ông T số tiền gốc là 16.500.000 đồng và 131.100.000 đồng tiền lãi như ông T trình bày là đúng. Hiện tại chị còn nợ ông T số tiền 173.500.000 đồng tiền gốc. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chị trả ông T số tiền gốc, quan điểm của chị là đề nghị ông T trừ cho chị 73.500.000 đồng, chị sẽ trả cho ông T 100.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền nợ này chị đề nghị ông T cho chị trả dần. Về những giấy tờ do Tòa án gửi cho chồng chị là anh Vũ Trí Đ, anh Đ đã nhận được tuy nhiên do công việc bận nên anh Đ không thể tới Tòa án làm việc được.

Tại phiên tòa hôm nay Chị O vắng mặt.

Bị đơn là anh Vũ Trí Đ trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị O, việc Chị O vay tiền của ông Đào Đăng T như thế nào anh không được biết và việc Chị O vay tiền là Chị O tự vay một mình không thông báo cho anh biết, và tiền này Chị O vay làm ăn riêng không liên quan gì tới kinh tế chung của gia đình, nay ông T khởi kiện yêu cầu mình Chị O phải trả tiền quan điểm của anh là anh không liên quan gì tới số tiền này. Do công việc bận nên anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T1 trình bày: Bà là vợ của ông T, mọi lời khai ông T khai tại Tòa án bà hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì khác. Do công việc bận nên bà làm đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 158; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đăng T.

Buộc chị Nguyễn Thị O phải trả cho ông Đào Đăng T, bà Vũ Thị T1 số tiền 173.500.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm) đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền

kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị O, anh Vũ Trí Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T1 đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay Chị O vắng mặt lần 2 không có lý do, anh Đ, bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc của ông Đào Đăng T, HĐXX thấy:

Ông T và vợ chồng anh Vũ Trí Đ và chị Nguyễn Thị O là có quan hệ họ hàng. Ngày 19/12/2013 chị Nguyễn Thị O có đến gia đình ông T vay vợ chồng ông T số tiền là 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu) đồng. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, không hạn ngày trả, chỉ thỏa thuận là khi nào bên cho vay yêu cầu trả thì Chị O phải trả cả gốc và lãi. Khi vay tiền Chị O có để lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị O, anh Vũ Trí Đ để làm tin, sau này Chị O nói là có việc cần lấy sổ đỏ để chỉnh lý nên ông T đã trả lại cho Chị O. Từ ngày 19/12/2013 đến tháng 11/2015 Chị O đã trả được cho vợ chồng ông T số tiền lãi là 131.100.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu một trăm nghìn đồng). Từ tháng 10/2017 đến tháng 04/2018 Chị O trả được ông T số tiền gốc là 16.500.000 đồng. Chị O còn nợ lại ông số tiền gốc là 173.500.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Nay ông T yêu cầu Chị O phải trả cho vợ chồng ông T số tiền gốc không yêu cầu trả lãi. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, có lãi. Trong quá trình làm việc Chị O thừa nhận còn nợ ông T số tiền như ông T đã khởi kiện. Do đó việc ông T yêu cầu Chị O trả số tiền nợ gốc là 173.500.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 471, Điều 474, Điều 477 BLDS năm 2005.

[2.2] Về tiền lãi của khoản tiền vay: Ông T xác nhận đã nhận của Chị O 131.100.000 (Một trăm ba mươi một triệu một trăm nghìn) đồng tiền lãi, tại phiên tòa ông T không yêu cầu Chị O trả tiền lãi của khoản tiền vay, Chị O không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả này. Tính từ thời điểm vay là 19/12/2013 cho đến ngày xét xử là 05/07/2021 là 07 năm 04 tháng 16 ngày, thời điểm hai

bên vay tiền lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tại Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 mức lãi suất cơ bản là 09%/năm, lãi suất tối đa quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 tại thời điểm vay là không quá 150% lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước quy định, trong vụ án này là 13.5%/năm. Số tiền lãi của khoản tiền vay được tính từ thời điểm vay tới khi xét xử là $190.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} \times 13.5\%/năm = 189.240.000 \text{ đồng}$. Nên việc ông T và Chị O xác nhận ông Tuyên nhận số tiền lãi là 131.100.000 (Một trăm ba mươi một triệu, một trăm nghìn) đồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất của khoản tiền vay là vẫn đảm bảo quy định pháp luật, do đó việc ông T không yêu cầu giải quyết về lãi suất của khoản tiền gốc nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Thời điểm ký giấy vay tiền chị Nguyễn Thị O và anh Vũ Trí Đ là vợ chồng, việc Chị O vay tiền anh Đ không được biết và Chị O không dùng vào việc của gia đình, ông T cũng chỉ yêu cầu mình Chị O phải trả vợ chồng ông khoản tiền đã vay, nên xác định đây là khoản vay riêng của Chị O không liên quan gì tới anh Đ.

Khoản tiền ông T cho Chị O vay là tiền chung của vợ chồng ông T, bà T1, do đó, cần buộc Chị O phải trả cho vợ chồng ông T, bà T1 số tiền đã vay là 173.500.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm) đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là chị Nguyễn Thị O phải chịu toàn bộ án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 8.675.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đăng T.

Buộc chị Nguyễn Thị O phải trả cho ông Đào Đăng T và Vũ Thị T1 số tiền

173.500.000 (Một trăm bảy ba triệu năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 8.675.000 đồng án phí DSST.

3. *Về quyền kháng cáo*: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định